

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu:

1. Khái quát về dự án

- Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn.

- Tổng mức đầu tư: 871,606 tỷ đồng.

- Cơ quan Chủ quản đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phía Bắc.

- Nguồn vốn: vốn vay JICA và vốn đối ứng của tỉnh.

- Thời gian thực hiện dự án: 04 năm kể từ ngày ký kết hiệp định vay vốn.

- Địa điểm thực hiện: Các xã Bằng Thành, Cao Minh, Ngân Sơn, Nà Phặc, Văn Lang, Cường Lợi, tỉnh Thái Nguyên.

- Quy mô dự án: Dự án bao gồm 04 tiểu dự án với tổng chiều dài khoảng 38,7 km:

+ Tiểu dự án 1: Cải tạo, nâng cấp đường ĐT251 tuyến xã Cốc Đán - xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn theo tiêu chuẩn đường cấp V-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

+ Tiểu dự án 2: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến Bộc Bó - Nhạn Môn, huyện Pác Nặm theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

+ Tiểu dự án 3: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến huyện Văn Lang - Văn Vũ, huyện Na Rì theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

+ Tiểu dự án 4: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến Bộc Bó - Giáo Hiệu - Công Bằng, huyện Pác Nặm theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

- Loại, nhóm dự án: Dự án xây dựng công trình giao thông, nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp III.

(Quy mô đầu tư, thông số kỹ thuật được phê duyệt theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 và được UBND tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập) và Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 03/9/2025)

2. Khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 17: Lập phương án và cắm cọc GPMB.

- Nguồn vốn: Vốn đối ứng ngân sách địa phương.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Không quá 04 tháng.
- Dự toán gói thầu được phê duyệt áp dụng mức thuế VAT là 8%. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ căn cứ mức thuế hiện hành để điều chỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức thuế VAT theo quy định.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nhà thầu sẽ đề xuất cụ thể thời gian thực hiện gói thầu theo giải pháp và khả năng của mình, nhưng không vượt quá 04 tháng theo quy định trên.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Mục đích

Phạm vi công việc của Gói thầu là Lập phương án và cắm cọc GPMB cho Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn phục vụ thi công xây dựng tuyến đường, để bàn giao cho Chủ đầu tư, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư địa phương thực hiện công tác kiểm đếm thống kê đền bù, xác định diện tích đất thu hồi vĩnh viễn XDCT, diện tích đất mượn tạm thi công. Bao gồm 04 tiểu dự án:

- Tiểu dự án 1: Cải tạo, nâng cấp đường ĐT251 tuyến xã Cốc Đán – xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn theo tiêu chuẩn đường cấp V-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

- Tiểu dự án 2: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến Bộc Bó - Nhạn Môn, huyện Pác Nặm theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

- Tiểu dự án 3: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến huyện Văn Lang – Văn Vũ, huyện Na Rì theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

- Tiểu dự án 4: Cải tạo, nâng cấp đường tuyến Bộc Bó - Giáo Hiệu – Công Bằng, huyện Pác Nặm theo tiêu chuẩn đường cấp VI-MN TCVN 4054-2005, châm chước những đoạn khó khăn.

2. Phạm vi công việc

2.1. Công tác lập phương án và cắm cọc GPMB

- Nghiên cứu hồ sơ khảo sát, thiết kế và các tài liệu liên quan của dự án;
- Xây dựng kế hoạch, phân công triển khai thực hiện nhiệm vụ;
- Khảo sát thực tế hiện trường, thu thập số liệu, sử dụng số liệu được thu thập để lập phương án cắm cọc GPMB;
- Định vị cọc cần phải cắm cọc GPMB bằng cọc gỗ trước để đánh dấu vị trí, phạm vi GPMB;

- Đúc cọc và cắm cọc GPMB theo phương án được phê duyệt, lập hồ sơ hoàn công theo quy định;

- Trong quá trình triển khai thực hiện GPMB, đơn vị phải thực hiện điều chỉnh các cọc không hợp lý hoặc thay đổi phương án GPMB.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và yêu cầu của Chủ đầu tư liên quan đến việc thực hiện gói thầu.

2.2. Phạm vi dự kiến cắm cọc GPMB

a) Đối với phần tuyến:

Các cọc GPMB cắm hai bên nên bố trí trùng với cọc tim tuyến, tại các vị trí thuận lợi cắm đối xứng nhau cụ thể như sau:

- Theo chiều ngang tuyến:

+ Chân mái đường đắp, đỉnh mái đường tay luy đào hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào ra 1m.

+ Đối với đoạn qua khu vực đông dân cư, qua công trình xây dựng kiên cố cắm đúng chỉ giới thi công xây dựng tuyến đường.

+ Các vị trí cục bộ có thể điều chỉnh khoảng cách cọc để đảm bảo phạm vi ranh giới thu hồi đất thi công công trình.

- Theo chiều dọc tuyến, khoảng cách giữa các cọc tham khảo Quyết định số 3037/QĐ-BGTVT ngày 14/10/2003 của Bộ GTVT và điều kiện cụ thể của công trình để thực hiện, cụ thể là:

+ 100m/cọc đối với đoạn tuyến thẳng hoặc qua vùng đất nông nghiệp.

+ 200m/cọc - 250m/cọc đối với những đoạn qua vùng núi, khoảng trống.

+ Tại các vị trí tuyến cong, khu đông dân cư khoảng cách cọc là 50m/cọc (trường hợp đặc biệt đi qua khu đô thị phức tạp có thể cắm dày hơn).

+ Với đoạn đường cong thì cắm TĐ, TC, P cắm cọc cho phù hợp với địa hình thực tế.

+ Các vị trí có thay đổi cục bộ địa hình, công trình kiên cố có thể bổ sung cọc để giảm thiểu phạm vi thu hồi đất và hạn chế ảnh hưởng công trình phải thu hồi nhưng vẫn đảm bảo mặt bằng để thi công công trình.

+ Điểm đầu và cuối dự án.

+ Điểm đầu và cuối các khu quy hoạch.

Do các tuyến đường của dự án đi qua khu vực đồi núi, thiết kế nhiều cong cua, một số đoạn qua khu vực dân cư, để hạn chế diện tích, tiết kiệm chi phí đền bù, hỗ trợ, tái định cư nên dự kiến tính trung bình 50m/cọc (cắm song song hai bên).

b) Đối với công, cầu:

- Tại các vị trí công, cầu, phạm vi GPMB từ taluy, sân công, phạm vi thi công cầu ra mỗi bên 1m. Đối với các công, cầu qua khu dân cư, khu ruộng lúa có thể cắm thêm cọc GPMB để xác định chính xác phạm vi GPMB. Đối với các công cấu tạo, gia cố nhỏ thì cắm cọc như cọc tim tuyến để phạm vi xây dựng công không bị thiếu.

c) Đối với công trình nút giao, đường giao:

- Tại các vị trí nút giao, cấm cọc GPMB đến hết phạm vi nút. Tại các nút các cọc GPMB được cấm sao cho thể hiện đầy đủ thiết kế nút, có xét đến sự mở rộng trong tương lai và tính đến yếu tố tầm nhìn trong nút giao.

2.3. Cấu tạo cọc GPMB

Tham khảo tiêu chuẩn TCVN 8478:2018, cọc GPMB được thiết kế như sau:

- Cọc GPMB bằng BTCT M200, KT (15x10x90) cm.

(Chi tiết có bản vẽ kèm theo)

2.4. Một số lưu ý khi cấm cọc GPMB

- Cọc GPMB nên cấm đối xứng nhau về hai phía (nếu có thể). Cọc GPMB nhất thiết phải cấm tại điểm đầu, điểm cuối của dự án và ranh giới hành chính các xã mà tuyến đi qua. Cọc GPMB cấm trùng với các cọc trên tuyến.

- Các cọc phải cấm thẳng đứng và cấm trên mặt cắt vuông góc với tim tuyến trên đường thẳng, vuông góc với tiếp tuyến đường cong tại tim khi cọc nằm trên đường cong.

- Nếu gặp chướng ngại vật như: ao hồ, công trình v.v... có thể dịch cọc GPMB theo chiều dọc tuyến song song với tim tuyến sang vị trí lân cận cho ổn định lâu dài và phải ghi chú rõ phạm vi dịch chuyển.

- Đối với các vị trí qua khu dân cư đông đúc, trường hợp không thể cấm cọc BTXM theo thiết kế, nhà thầu phải thực hiện đánh dấu bằng đinh hoặc mốc cố định để phục vụ công tác thống kê, kiểm đếm, GPMB.

- Toàn bộ hệ thống cọc phải được đánh dấu trên bình đồ kèm theo biên bản bàn giao cọc mốc GPMB và phải lập hồ sơ hoàn công.

- Toàn bộ hệ thống cọc phải được đánh dấu theo bình đồ và phải phù hợp với bảng thống kê khối lượng.

3. Các tiêu chuẩn áp dụng

Theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

4. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

Nhà thầu phải nêu rõ biện pháp tổ chức thi công và giám sát chất lượng của mình một cách hợp lý, khả thi theo các tiêu chuẩn tổ chức thi công hiện hành.

5. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc thiết bị

- Về vật tư: Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng vật tư sử dụng cho công trình. Các vật tư đề xuất phải đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật mà dự án áp dụng và các tiêu chuẩn liên quan hiện hành.

6. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt

Nhà thầu phải trình bày được trình tự, biện pháp thi công công trình, tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo các yêu cầu về tiến độ, chất lượng và đủ thời gian để kiểm tra, nghiệm thu

7. Yêu cầu về nghiệm thu, vận hành thử nghiệm, an toàn

- Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ phục vụ công tác nghiệm thu chuyển giao đoạn, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định: Bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu từng phần, biên bản thí nghiệm...

- Nhà thầu chuẩn bị nhân lực, phương tiện phục vụ cho công tác thử áp hệ thống cấp nước, nghiệm thu đóng điện, xử lý sự cố (nếu có) và các yêu cầu khác của hội đồng nghiệm thu.

8. Yêu cầu về phòng chống cháy nổ (nếu có)

Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về phòng chống cháy nổ hiện hành của Nhà nước.

9. Yêu cầu về môi trường

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về môi trường.

10. Yêu cầu về an toàn lao động

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

11. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục

Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công phù hợp với giải pháp thi công và biểu tiến độ thi công trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và kết quả nghiên cứu, điều tra mặt bằng thi công của nhà thầu.

12. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

Nhà thầu phải tuân thủ theo điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1	GPMB	Chi tiết cọc GPMB	Quyết định số 228/QB-BQLDA ngày 11/5/2026